

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI¹

NGUYỄN THỊ MAI*

Tóm tắt: Người bị buộc tội dưới 18 tuổi là đối tượng rất đặc biệt cần được bảo vệ để tránh những tổn thương và những hành vi xâm hại do quá trình tố tụng gây ra. Trên cơ sở tiếp thu nội dung của các Công ước quốc tế về bảo vệ quyền con người của trẻ em, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung tiến bộ nhằm bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự, đặc biệt là người bị buộc tội. Bài viết làm rõ các quy định điển hình của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhằm bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, chỉ ra những hạn chế và đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật.

Từ khóa: Tố tụng hình sự, người bị buộc tội dưới 18 tuổi, quyền con người

Ngày nhận bài: 11/4/2023; Biên tập xong: 25/4/2023; Duyệt đăng: 23/5/2023

PERFECTING THE 2015 CRIMINAL PROCEDURES CODE TO ENSURE HUMAN RIGHTS OF UNDER-18-YEAR-OLD ACCUSED PERSONS

Abstract: The accused person who is under 18 years old needs to be protected to avoid injuries and abused acts caused by the proceedings. By absorbing the International conventions on the protection of children's human rights, our 2015 Criminal Procedure Code has made many amendments and supplements to better protect their human rights in criminal proceedings, especially the accused. The article clarifies typical provisions of the 2015 Criminal Procedure Code to ensure the human rights of under-18-year-old accused persons, points out limitations and proposes improved recommendations.

Keywords: Criminal proceedings, under-18-year-old accused persons, human rights

Received: Apr 11th, 2023; **Editing completed:** Apr 25th, 2023; **Accepted for publication:** May 23th, 2023

1. Đặt vấn đề

Người dưới 18 tuổi là người đang trong quá trình hoàn thiện về thể chất, tâm sinh lý cũng như khả năng nhận thức. Quá trình tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi, đặc biệt là người bị buộc tội dưới 18 tuổi đòi hỏi phải có những điểm đặc biệt nhất định phù hợp với lứa tuổi, trình độ nhận thức và sự phát triển về mặt tâm sinh lý, sao cho việc giải quyết vụ án hình sự được hiệu quả, nhanh chóng nhưng đồng thời cũng phải bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp của người bị buộc tội. Trong tiến trình cải cách tư pháp tại Việt Nam, việc hoàn thiện các quy định về tố tụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội rất cấp thiết, không những để tiệm cận gần hơn các quy định của luật pháp quốc tế mà còn nhằm đảm bảo tốt nhất quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung rất tiến bộ và khá đầy đủ về thủ tục tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, đáp ứng yêu cầu “tố tụng áp dụng đối với người chưa thành niên phải xem xét tới độ

¹ Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Bảo đảm quyền con người của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự” tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2023.

* Email: Nguyenmai.tths@gmail.com
Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

tuổi của họ và mục đích khuyến khích họ trở về với đời sống xã hội”². Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chưa được quy định rõ, đòi hỏi cần được tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Về nguyên tắc tiến hành tố tụng

Nguyên tắc tiến hành tố tụng là những định hướng, kim chỉ nam đòi hỏi những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tuân thủ nhằm bảo đảm việc áp dụng pháp luật được thống nhất, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những chủ thể có liên quan. BLTTHS năm 2015 đã dành riêng điều luật quy định về nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi, bao gồm: (1) Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi; bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi; (2) Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi; (3) Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện của người dưới 18 tuổi, nhà trường, Đoàn thanh niên, người có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý, xã hội, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt; (4) Tôn trọng quyền được tham gia, trình bày ý kiến của người dưới 18 tuổi; (5) Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý của người dưới 18 tuổi; (6) Bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; (7) Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi³. Nhìn chung, các nguyên tắc tố tụng được quy định tại

Điều 414 BLTTHS năm 2015 có sự tương thích với các quy định trong Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em và hướng dẫn, giải thích của Liên Hợp Quốc về tư pháp đối với người chưa thành niên như: Nguyên tắc bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện, nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất, nguyên tắc bảo đảm giữ bí mật cá nhân... Đây là những yêu cầu, định hướng cho quá trình tố tụng đối với những vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi, tuy nhiên điều luật này cũng vẫn còn một số hạn chế nhất định về nội dung và kỹ thuật lập pháp.

Thứ nhất, nội dung nguyên tắc cần bảo đảm quyền được giữ bí mật cá nhân của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi

Điều 40 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em yêu cầu các quốc gia thành viên phải đặc biệt đảm bảo rằng “Mọi điều riêng tư của trẻ em được hoàn toàn tôn trọng đầy đủ trong suốt tất cả các giai đoạn tố tụng”. Quy tắc 8.1 Quy tắc Bắc Kinh cũng quy định “Quyền riêng tư của người chưa thành niên phải được tôn trọng trong tất cả các giai đoạn tố tụng, nhằm tránh những tổn hại gây ra do sự công khai hóa quá mức hay do sự quy chụp”. Cả hai văn bản pháp luật quốc tế này đều nhấn mạnh về việc đảm bảo quyền riêng tư của người chưa thành niên trong tố tụng hình sự nói chung, quyền riêng tư của người chưa thành niên bị buộc tội nói riêng trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng.

BLTTHS năm 2015 tuy có quy định về quyền bảo đảm bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi, trong đó có người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhưng chưa cụ thể. Khoản 2 Điều 414 BLTTHS quy định nguyên tắc “Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi”, khoản 2 Điều 423 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử

² Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu quyền con người, “Các văn kiện quốc tế về quyền con người”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 184-185.

³ Xem: Điều 414 BLTTHS năm 2015.

kín". Sự bất cập thể hiện ở chỗ, theo bình luận chung số 10 hướng dẫn các quốc gia cần quy định việc xét xử những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên phải được tiến hành "kín", việc tiến hành công khai những phiên tòa này chỉ được coi là những trường hợp "ngoại lệ" và phải có quyết định bằng văn bản của tòa án, quyết định này cũng có thể bị kháng cáo. Trong khi đó, theo Điều 423 BLTTHS thì việc xét xử những vụ án có bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi có thể được tiến hành một cách công khai trong những trường hợp thông thường và chỉ được xét xử kín nếu Tòa án nhận thấy đó là trường hợp "đặc biệt"⁴. Như vậy, cách thức quy định của Điều 423 là chưa phù hợp với tinh thần của pháp luật quốc tế. Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 cũng thiếu những quy định về quyền được giữ bí mật cá nhân của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các giai đoạn khác của quá trình tố tụng như giai đoạn điều tra, truy tố... Do đó, khoản 2 Điều 414 BLTTHS nên sửa đổi, bổ sung theo hướng bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Thứ hai, vì đây là các nguyên tắc đặt nền móng quan trọng cho việc giải quyết vụ án có liên quan đến người dưới 18 tuổi nên cần ngắn gọn, cô đọng về mặt nội dung, thể hiện đúng tinh thần định hướng cho việc xử lý, tên của nguyên tắc thứ nhất sửa đổi thành "*Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi*"; nguyên tắc thứ ba sửa đổi thành "*Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức*".

Thứ ba, cần sắp xếp lại các nguyên tắc

theo một trật tự hợp lý hơn, có thể thống nhất đi từ nguyên tắc liên quan đến tố tụng hình sự rồi mới đến hình sự. Nguyên tắc thứ sáu nên sắp xếp ở vị trí cuối cùng vì có liên quan đến các nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 414 BLTTHS năm 2015 cụ thể như sau:

Điều 414. Nguyên tắc tiến hành tố tụng

1. *Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi.*

2. *Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi trong toàn bộ quá trình tố tụng.*

3. *Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức.*

4. (giữ nguyên)

5. (giữ nguyên)

6. *Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi.*

7. *Bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.*

3. Về người tiến hành tố tụng là Điều tra viên, Cán bộ điều tra

Khi tiến hành giải quyết vụ án, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là người trực tiếp tiếp xúc với người tham gia tố tụng. Trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thực hiện các hoạt động điều tra bị can là người dưới 18 tuổi, do đó, đòi hỏi Điều tra viên, Cán bộ điều tra tiến hành tố tụng đối với vụ án có bị can là người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi⁵. Cụ thể, Điều tra viên, Cán bộ điều tra khi được phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi phải

⁴ Vũ Thị Quyên, "Người chưa thành niên bị buộc tội trong tố tụng hình sự theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam" đăng trên website: <https://tapchitoaan.vn/nguoi-chua-thanh-nien-bi-buoc-toi-trong-to-tung-hinh-su-theo-phap-luat-quoc-te-va-phap-luat-viet-nam6935.html>.

⁵ Xem: Điều 415 BLTTHS năm 2015.

có ít nhất một trong các điều kiện sau đây: (i) Có kinh nghiệm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi; (ii) Đã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi; (iii) Đã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi⁶.

Hiện nay, trình độ hiểu biết, nghiệp vụ của Điều tra viên về người dưới 18 tuổi đã có những thay đổi theo hướng tích cực. Điều tra viên đã quan tâm hơn tới quy cách làm việc, đối xử với người dưới 18 tuổi như đã phân biệt được cách thức hỏi cung người dưới 18 tuổi với người đã thành niên, đã hiểu hơn và tôn trọng hơn các quyền của chủ thể này⁷. Tuy nhiên, quy định tại Điều 415 BLTTHS năm 2015 về yêu cầu đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra tiến hành tố tụng trong vụ án có bị can là người dưới 18 tuổi cần được hướng dẫn chi tiết và cụ thể hơn để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong việc áp dụng bởi điều luật vẫn quy định một cách chung chung về người tiến hành tố tụng như “được đào tạo”, “có kinh nghiệm” hoặc “có hiểu biết cần thiết”. Mặc dù đã có hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 06/2018 nhưng việc xác định điều kiện trên thực tế vẫn gặp nhiều khó khăn do chưa có đội ngũ Điều tra viên, Cán bộ điều tra chuyên trách.

Thực tiễn, vẫn còn trường hợp Điều tra viên chưa áp dụng đầy đủ các quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng với người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Trong quá trình

điều tra, nhiều Điều tra viên chưa chú ý đến đặc điểm tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi nên còn có hành vi quát mắng, đe dọa dẫn đến các em lo lắng, sợ hãi, ảnh hưởng đến chất lượng của việc khai báo. Ngoài ra, do thiếu các kỹ năng chuyên sâu về điều tra đối với người dưới 18 tuổi nên Điều tra viên tiến hành các hoạt động điều tra giống như đối với người đã thành niên. Điều này đòi hỏi hướng đến xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Cán bộ điều tra chuyên trách để điều tra các vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi, đáp ứng đủ các điều kiện tại Điều 415 BLTTHS và các tiêu chuẩn khác về kỹ năng, nghiệp vụ để đảm bảo việc tiến hành tố tụng phù hợp với đường lối xử lý, chính sách hình sự, đặc điểm tâm lý lứa tuổi mà vẫn bảo đảm các quyền, lợi ích của người dưới 18 tuổi.

4. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Biện pháp ngăn chặn là biện pháp mang tính cưỡng chế nghiêm khắc, mục đích của việc áp dụng các biện pháp này là nhằm đảm bảo hiệu quả của các hoạt động tố tụng, tránh các trường hợp cản trở quá trình điều tra. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp khi có hành vi phạm tội xảy ra, biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đều được áp dụng vì nó ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, nhất là người dưới 18 tuổi. Do đó, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế cần xem xét hết các yếu tố có liên quan để quyết định có cần thiết phải áp dụng hay không, nếu cần thiết thì biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế nào sẽ được áp dụng. Vì thế, trước khi quyết định áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải xem xét, cân nhắc áp dụng

⁶ Xem: Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2018/VKSNDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.

⁷ Vũ Gia Lâm (2021), “Thủ tục điều tra thân thiện đối với người chưa thành niên ở Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Thủ tục tố tụng hình sự thân thiện đối với người chưa thành niên của Việt Nam và một số nước trên thế giới”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 73.

biện pháp giám sát, cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 123, Điều 124 BLTTHS năm 2015. Trường hợp sau khi quyết định tạm giam bị can là người dưới 18 tuổi mà có đủ căn cứ áp dụng biện pháp bảo lãnh hoặc đặt tiền để bảo đảm thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần thay thế ngay biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh hoặc đặt tiền để bảo đảm.

Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong trường hợp bị can là người dưới 18 tuổi đã được áp dụng biện pháp giám sát, biện pháp ngăn chặn khác như bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm nhưng bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, có dấu hiệu bỏ trốn, tiếp tục phạm tội, có dấu hiệu tiếp tục phạm tội hoặc có các hành vi khác quy định tại khoản 2 Điều 418 BLTTHS năm 2015. Thời hạn tạm giam đối với bị can là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thường xuyên theo dõi, rà soát, kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi bị tạm giữ, tạm giam; nếu phát hiện không còn căn cứ hoặc không cần thiết tạm giữ, tạm giam thì phải kịp thời ra quyết định hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của BLTTHS; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định

tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của BLTTHS; đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải thông báo cho người đại diện của họ biết.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng biện pháp áp giải đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp đã có giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị can, bị cáo đang bị tạm giam từ nơi bị giam, giữ đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Trong đó, lý do bất khả kháng là những việc, tình huống, sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép; trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình.

Điểm hạn chế của Điều 419 BLTTHS năm 2015 là điều luật vẫn còn mang tính chung chung “chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết”, “chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện

pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả”; ngoài ra, thời hạn tạm giam chưa thể hiện được sự phân hóa theo nhóm tuổi trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, các biện pháp ngăn chặn khác như đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú... chưa được đề cập trong Điều 419 dành riêng cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Bộ luật Hình sự đã phân chia độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự thành hai nhóm là “từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi” và “từ đủ 16 tuổi trở lên” bởi có những khác biệt nhất định về khả năng nhận thức cũng như đặc điểm tâm lý của hai nhóm tuổi này. Việc lựa chọn các biện pháp ngăn chặn để áp dụng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của họ. Vì thế, việc quy định chi tiết trong BLTTHS về điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cũng như có sự phân hoá mức độ áp dụng (thời hạn tạm giam, đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm...) đối với người dưới 18 tuổi là hết sức cần thiết. Do đó, Điều 419 BLTTHS cần quy định rõ khi áp dụng biện pháp tạm giam, biện pháp đặt tiền để đảm bảo đối với người dưới 18 tuổi thì thời hạn tạm giam, mức tiền sẽ quyết định theo độ tuổi tương ứng với các quy định của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi dựa trên quy định tại Điều 419 BLTTHS. Trong khi đó, Điều 419 chỉ dẫn chiếu đến các căn cứ tại Điều 110, 111, 112, 119 BLTTHS về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác, biện pháp ngăn chặn tạm giữ ở Điều 117 lại không được đề cập đến. Điều này dẫn đến bất cập khi áp dụng, đó là nếu cần áp dụng biện pháp tạm giữ với người dưới 18 tuổi thì chỉ theo quy định tại Điều 117 như người đã thành niên mà không có quy định nào khác được viện dẫn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi. Vì vậy, cần bổ sung vào

khoản 2 Điều 419 BLTTHS cơ sở pháp lý để áp dụng biện pháp tạm giữ đối với người dưới 18 tuổi, cụ thể như sau: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111, 112, 117 và các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật này”.

5. Về bào chữa cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi

Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ về việc mời người bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ khi tham gia tố tụng. Nếu những người này không mời thì tùy từng trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ chỉ định người bào chữa nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 76 BLTTHS; yêu cầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước cử người thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 06/2018.

Tuy nhiên, một số quy định của BLTTHS vẫn chưa thực sự bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Cụ thể:

Một là, về trường hợp thay đổi hoặc từ

chối người bào chữa

Khoản 1 Điều 77 BLTTHS quy định: “Những người sau đây có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa: Người bị buộc tội; Người đại diện của người bị buộc tội; Người thân thích của người bị buộc tội. Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự”. Theo quy định này, trường hợp người đại diện của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, người thân thích của người bị buộc tội dưới 18 tuổi từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa thì không cần có sự đồng ý của người bị buộc tội. Khoản 3 Điều 77 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 BLTTHS và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa”. Quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 77 đều thống nhất trong việc xác định việc bào chữa chỉ định sẽ chấm dứt khi người bị buộc tội dưới 18 tuổi từ chối hoặc người đại diện, người thân thích của người đó từ chối. Điều này dẫn đến người dưới 18 tuổi sẽ bị hạn chế trong việc bảo đảm có người bào chữa, bởi nếu người bị buộc tội không từ chối người bào chữa nhưng người đại diện, người thân thích của họ từ chối thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vẫn chấp nhận việc từ chối này và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa. Do đó, Điều 77 BLTTHS năm 2015 cần được sửa đổi theo hướng xác định với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi thì việc từ chối người bào chữa cần được sự đồng ý của họ, cụ thể:

Điều 77. Thay đổi hoặc từ chối người bào chữa

1. ...

Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án.

2. (giữ nguyên)

3. ...

Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội và người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa.

Hai là, về sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Điều 291 BLTTHS năm 2015 quy định về sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa sơ thẩm, trường hợp chỉ định người bào chữa mà người bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, nhưng nếu bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục thông thường mà không cần sự có mặt của người bào chữa. Tuy nhiên, điều luật quy định điều kiện như vậy là chưa phù hợp bởi nếu là các trường hợp chỉ định người bào chữa theo điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS gồm “bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật Hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình” thì không phải trường hợp có người đại diện tham gia tố tụng, nên chỉ cần quy định là bị cáo đồng ý xử vắng mặt người bào chữa; theo điểm b khoản 1 Điều 76 gồm các trường hợp “người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi” thì cần quy định theo hướng

chỉ xét xử vắng mặt người bào chữa nếu bị cáo và người đại diện của bị cáo đều đồng ý bởi trong trường hợp này bị cáo chưa có hoặc không có hay bị hạn chế khả năng nhận thức một cách toàn diện nên cần có sự đồng ý của người đại diện nhằm bảo đảm tối đa sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa. Vì vậy, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 291 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 291. Sự có mặt của người bào chữa

1. (giữ nguyên)

2. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp:

a) Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa;

b) Thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà bị cáo và người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa”.

6. Về thời hạn giải quyết vụ án mà bị can là người dưới 18 tuổi

Trong quá trình tiến hành tố tụng, người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam. Do còn non nớt nên họ sẽ có những lo lắng, sợ hãi, tâm lý xấu hổ khi phải đối mặt với cha mẹ, bạn bè và những người xung quanh. Thậm chí nhiều trường hợp người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị sang chấn tâm lý, dẫn đến tâm trạng bi quan, làm những điều dại dột. Việc giải quyết vụ án cần phải tiến hành nhanh chóng, hạn chế những tác động tiêu cực đến tâm lý của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Theo đó, tác giả kiến nghị cần có quy định cụ thể về thời hạn giải quyết vụ án mà người tham gia tố tụng, trong đó có người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi theo hướng tổng thời gian giải

quyết vụ án bằng 1/2 đến 2/3 thời gian giải quyết vụ án với người đã thành niên.

7. Kết luận

BLTTHS năm 2015 đã có nhiều điểm mới tiến bộ nhằm bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng dưới 18 tuổi, đặc biệt là người bị buộc tội. Những quy định cụ thể về nguyên tắc tiến hành tố tụng, áp dụng biện pháp ngăn chặn hay bảo đảm quyền bào chữa cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi... đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, góp phần hạn chế những tổn thương về mặt tâm lý cho người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, các quy định này vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi trên cơ sở tham khảo thêm từ các văn kiện quốc tế cũng như kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia khác để ngày một hoàn thiện hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.
2. Bộ luật Hình sự năm 2015.
3. Thông tư liên tịch số 06/2018/VKSNDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.
4. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu quyền con người, “Các văn kiện quốc tế về quyền con người”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
5. Vũ Gia Lâm, “Thủ tục điều tra thân thiện đối với người chưa thành niên ở Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Thủ tục tố tụng hình sự thân thiện đối với người chưa thành niên của Việt Nam và một số nước trên thế giới”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021.
6. Vũ Thị Quyên, “Người chưa thành niên bị buộc tội trong tố tụng hình sự theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”. Website: <https://tapchitoaan.vn/nguoi-chua-thanh-nien-bi-buoc-toi-trong-to-tung-hinh-su-theo-phap-luat-quoc-te-va-phap-luat-viet-nam6935>.